

BÀI 1 私(わたし)はアンナです
WATASHI WA ANNA DESU

アンナ	はじめまして。私(わたし)はアンナです。	Xin chào.
Anna	HAJIMEMASHITE.	Tôi là Anna.
	WATASHI WA ANNA DESU.	
さくら	はじめまして。さくらです。	Xin chào.
Sakura	HAJIMEMASHITE.	Tôi là Sakura.
	SAKURA DESU.	
アンナ	よろしくお願(ねが)いします。	Rất hân hạnh được làm quen.
Anna	YOROSHIKU ONEGAI SHIMASU.	
さくら	こちらこそ。	Tôi cũng rất hân hạnh được gặp chị.
Sakura	KOCHIRAKOSO.	



Mẫu ngữ pháp

① Danh từ A WA Danh từ B DESU ([A] là [B])

◈ WA là trợ từ biểu thị danh từ đứng trước nó là chủ đề của câu.

◈ Danh từ B thêm DESU thành vị ngữ.

Ví dụ: WATASHI WA ANNA DESU. (Tôi là Anna.)

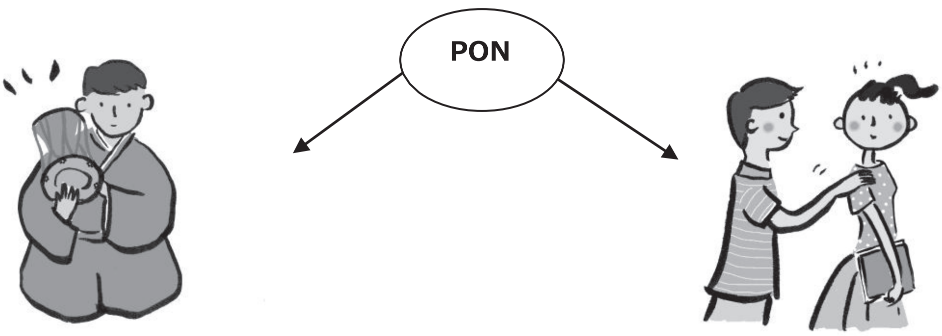
② Chữ viết tiếng Nhật

☞ *Các bảng chữ cái tiếng Nhật : Xem trang 56, 57*

◈ Tiếng Nhật có 3 loại chữ: Hiragana, Katakana và Kanji, mỗi loại có một vai trò riêng.



Từ tượng thanh và tượng hình



Tiếng vỗ một loại trống nhỏ đặt trên vai, nhạc cụ thuộc bộ gõ của Nhật

Tiếng vỗ nhẹ lên vai người khác